

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2017/HSST

Ngày: 23-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hiền
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

- Phạm Ngọc T, sinh ngày 24/4/2000;

Nơi cư trú: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh

Con ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị P, sinh năm 1969;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Có mặt)

- Doãn Hoàng A, sinh ngày 25/12/1999;

Nơi cư trú: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh

Con ông Doãn Quang Đ, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Ngọc T:

Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1968; Bà Vũ Thị P, sinh năm 1969

Cư trú tại: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông S có mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Doãn Hoàng A:

Ông Doãn Quang Đ, sinh năm 1975; Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Bà H có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T:

Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1968

Cư trú tại: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (Bố bị cáo T)

(Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Doãn Hoàng Anh:

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (Mẹ bị cáo A)

(Có mặt)

- Người bị hại: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1954

Cư trú tại: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1976;

Trú tại: Tổ 12, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước, các bị cáo Doãn Hoàng A và Phạm Ngọc T đã quan sát thấy bà Lê Thị Q là người cùng thôn ở nhà một mình, hằng ngày đều đi chợ buổi sáng nên từ sáng đến trưa bà Q vắng nhà. Tối ngày 17/4/2017, hai bị cáo đã rủ nhau sáng ngày 18/4/2017 sẽ cùng nhau

trộm cắp tài sản của bà Q. Khoảng 08 giờ sáng ngày 18/4/2017, hai bị cáo cùng đến nhà bà Q, thấy bà Q không có nhà nên 2 bị cáo trèo tường vào phía đằng sau nhà bà Q, khi đi đến gian nhà ngang phát hiện thấy có một cửa sổ khép hờ, bên trong là 5 chấn song cửa làm bằng nhựa, bị cáo A dùng tay bẻ gãy một chấn song ở giữa để cả hai bị cáo chui qua cửa sổ vào trong nhà. Bị cáo T vào gian phòng ngủ, bị cáo A vào gian ngoài để lục tìm tài sản trộm cắp. Tại phòng ngủ, T phát hiện 01 tủ nhựa dạng tủ đứng, nhiều ngăn ở cạnh giường ngủ và 01 chìa khóa để ở đầu giường. T dùng chìa khóa để mở ngăn tủ nhựa trên cùng có khóa thì mở được, phát hiện thấy có nhiều tờ tiền gồm nhiều mệnh giá từ 2.000đ đến 20.000đ để lộn xộn bên trong ngăn tủ. T gọi A đến, cả hai chia nhau để đút số tiền trên vào túi, sau đó cả hai tiếp tục ra gian phòng khách, thấy có một tủ gỗ loại tủ nằm ngang có hai ngăn gỗ ở hai bên, ở giữa là ngăn kính, A dùng tay kéo mạnh cánh cửa gỗ thì khóa cửa bung ra khỏi ổ, trong tủ có 01 cặp màu vàng, lục bên trong có 02 hộp nhỏ màu hồng trong có 01 dây chuyền vàng; 02 hoa tai vàng. Hai bị cáo lấy toàn bộ số vàng đó, đi theo lối cũ về nhà A. Các bị cáo kiểm tra số tiền mặt trộm cắp được của bà Q là 880.000đ. Sau đó cả hai bị cáo mang toàn bộ số vàng trộm cắp được đến cửa hàng vàng bạc M ở số 02 đường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình bán được số tiền 16.800.000đ. Hai bị cáo đã cùng tiêu xài hết khoảng 2.000.000đ, số tiền còn lại đem cất giấu tại nhà của T.

Ngày 19/4/2017 gia đình hai bị cáo đã mang số tiền các bị cáo bán vàng còn lại và bù thêm tiền để đến cửa hàng vàng bạc M mua lại số vàng trên giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư.

Công văn số 40/ACJ/CV-KD ngày 09/5/2017 của Tổng công ty vàng Agribank Việt Nam - CTCP “Về việc trả lời kết quả giám định” xác định: *01 dây chuyền tuổi vàng 99,96%, trọng lượng 3 chỉ, đơn giá 3.468.000 đồng/chỉ, thành tiền là 10.404.000đ; 02 hoa tai tuổi vàng 99,99%, trọng lượng 02 chỉ, đơn giá 3.470.000đ/chỉ, thành tiền 6.940.000đ.*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại là bà Lê Thị Q khai báo: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/4/2017, khi bà đi chợ về thì phát hiện đồ đạc trong nhà bị lục soát, kiểm tra phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo tại Công an huyện Vũ Thư. Số tài sản bị mất trộm đúng như các bị cáo đã khai nhận. Bà đã được cơ quan CSĐT Công an huyện Vũ Thư trả lại toàn bộ số vàng bị mất trộm. Số tiền bị mất là 880.000đ bà chưa nhận lại được, bà yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế B khai: Khoảng 9 giờ 10 phút ngày 18/4/2017 có hai nam thanh niên khoảng 18 tuổi đến bán 01 dây chuyền vàng trọng lượng 03 chỉ, giá 10.290.000đ và 02 hoa tai vàng trọng lượng 02 chỉ giá 6.860.000đ, đều là vàng do cửa hàng M chế tác và bán ra. Khoảng 08 giờ ngày 19/4/2017 có 02 phụ nữ nói là ở huyện V đến mua lại dây chuyền và hoa tai trên.

Bản cáo trạng số 60/KSĐT ngày 25 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T và Doãn Hoàng A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, với tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 18.224.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư luận tội giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều; Điều 69; Điều 74; Điều 33; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; Xử phạt bị cáo Doãn Hoàng A từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Lê Thị Q 01 dây chuyền vàng; 02 hoa tai vàng. Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 880.000đ, phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 440.000đ. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, suy nghĩ nông nổi, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã ăn năn hối cải, gia đình đã khắc phục hậu quả cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, để bị cáo được tiếp tục đi học. Gia đình sẽ có trách nhiệm quản lý, giáo dục bị cáo.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Doãn Hoàng A: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên do bị cáo chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn chưa đầy đủ, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã ăn năn hối cải, gia đình đã khắc phục hậu quả cho người bị hại nên mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, tiếp tục lao động và rèn luyện và trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo T không có tranh luận gì và nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để tiếp tục đi học.

Bị cáo A không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội mình đã thực hiện, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để rèn luyện trở thành người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận khoảng 08 giờ sáng ngày 18/4/2017, các bị cáo đã vào nhà bà Lê Thị Q thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 880.000đ tiền mặt; 01 dây chuyền vàng và 02 hoa tai vàng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác như: Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập ngày 18/4/2017; Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; Biên bản nhận dạng đồ vật, tài sản lập ngày 19/4/2017; Công văn số 40/ACJ/CV-KD ngày 09/5/2017 của Tổng công ty vàng Agribank Việt Nam - CTCP.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 18/4/2017, tại gia đình bà Lê Thị Q ở thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Phạm Ngọc T và Doãn Hoàng A đã có hành vi trộm cắp số tiền 880.000 đồng và 01 dây chuyền vàng 99,96% trọng lượng 03 chỉ; 02 hoa tai vàng 99,99% trọng lượng 02 chỉ của bà Lê Thị Q. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 18.224.000đ. Tính đến thời điểm phạm tội, các bị cáo đều đã trên 16 tuổi, là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đều cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân và tâm lý hoang mang, lo lắng cho các chủ tài sản trong việc bảo quản tài sản của mình. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng chế tài hình sự để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc, cùng trực tiếp trộm cắp tài sản và cùng mang tài sản đi tiêu thụ, cùng ăn tiêu. Vì vậy Hội đồng xét xử đánh giá các bị cáo đều giữ vai trò đồng phạm thực hành, có vị trí ngang nhau trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo có nhân thân tốt. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú. Tính đến thời điểm phạm tội, các bị cáo đều dưới 18 tuổi, vì vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý đối với các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa.

Hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 69 Bộ luật Hình sự thì “Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội”, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã quản lý và trả lại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt cho người bị hại là bà Lê Thị Q. Xét việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng chủ sở hữu, Hội đồng xét xử chấp nhận. Về số tiền 880.000đ là tiền các bị cáo trộm cắp của bà Q, cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại, kỷ phần của mỗi bị cáo là 440.000đ. Tuy nhiên, do các bị cáo chưa thành niên, không có tài sản riêng nên cần buộc bố mẹ các bị cáo là ông Phạm Ngọc S và bà Vũ Thị P; ông Doãn Quang Đ và bà Hoàng Thị H phải thực hiện trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại. Bà Q không

yêu cầu bị cáo bồi thường về các tài sản bị hư hỏng do các bị cáo phá hỏng nên không đặt ra giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thế B là chủ cửa hàng vàng bạc M, đã mua số vàng do các bị cáo bán, nhưng anh B không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Việc mua bán của anh B phù hợp với giá thị trường, là bất hợp pháp ngay tình. Vì vậy cơ quan điều tra không xử lý đối với anh B là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc T và Doãn Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20; Điều 53; Điều 69; Điều 74; Điều 33; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Doãn Hoàng A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017.

Giao các bị cáo Phạm Ngọc T, Doãn Hoàng A cho UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại bà Lê Thị Q, sinh năm 1954, cư trú tại: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình 01 dây chuyền tuổi vàng 99,96%, trọng lượng 3 chỉ, và 02 hoa tai tuổi vàng 99,99%, trọng lượng 02 chỉ.

Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Vũ Thị P; ông Doãn Quang Đ và bà Hoàng Thị H phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Q số tiền 880.000đ (tám trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó kỷ phần của ông S, bà P là 440.000đ; ông Đ, bà H là 440.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Phạm Ngọc T và Doãn Hoàng A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, Công an huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; Người ĐDHP; Người bào chữa cho BC
- Người bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Bình